TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 18-6-2025
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn."

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Kim Xuân;

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm;

Ông Ngô Tấn Lợi.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Hồng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2025/TLPT-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2025 về "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn";

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 09/2025/HNGĐ-ST ngày 18-3-2025 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2025/QĐ-PT ngày 29 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh V, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số B, Nguyễn H (số cũ 101, Quốc lộ C), Tổ A, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1961.

Địa chỉ đăng ký thường trú: Số C, N, Khóm B, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số B, Nguyễn H (số cũ 101, Quốc lộ C), Tổ A, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu H1, là bị đơn.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Anh V trình bày:

Năm 1996, ông V và bà H1 quen biết, tìm hiểu nhau khoảng 01 (một) năm, sau đó chung sống với nhau, không có tổ chức đám cưới. Đến ngày 24/9/2008, ông V, bà H1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2022 phát sinh mâu thuẫn gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống về mọi vấn đề, tính tình không còn phù hợp. Vì vậy, cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc. Ông V không còn ở chung nhà với bà H1, ra ngoài sinh sống và đã ly thân với bà H1 khoảng 03 (ba) năm nay.

Nay ông V nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được, tình cảm đối với bà H1 không còn nên ông V yêu cầu ly hôn bà H1.

- Về nuôi con chung: Ông V và bà H1 có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thảo L, sinh ngày 31/10/1996, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông V xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông V xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông V không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 trình bày:

Về hôn nhân: Bà H1 và ông Vũ T tìm hiểu nhau khoảng 02 (hai) năm. Khoảng năm 1996, bà H1 và ông V chung sống như vợ chồng, không có tổ chức đám cưới. Đến ngày 24/9/2008, bà H1, ông V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2023, phát sinh mâu thuẫn gia đình, bất đồng quan điểm sống do ông V có người phụ nữ khác bên ngoài. Bà H1 biết được, có khuyên can ông V nhưng ông V không sửa đổi. Từ 18/3/2023, ông V bỏ nhà đi và vợ chồng sống ly thân, không còn chung sống. Tuy nhiên, bà H1 mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm tiếp tục chung sống vì bà H1 còn thương ông V. Mặt khác, hiện nay bà H1, ông V cũng có tuổi, bà H1 bị bệnh ung thư, điều trị tại Bệnh viện Ung Bướu Thành phố H, sức khỏe tạm ổn. Do đó bà H1 không đồng ý ly hôn với ông V.

- Về nuôi con chung: Bà H1 thống nhất lời khai của ông V, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thảo L, sinh ngày 31/10/1996, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà H1 xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H1 xác định không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 09/2025/HNGĐ-ST ngày 18-3-2025, Tòa án nhân dân thành phố S, đã tuyên xử:

"[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Anh V. Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Anh V và bà Nguyễn Thị Thu H1.

[2] Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thảo L, sinh ngày 31/10/1996, con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông V và bà H1 xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Anh V nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông V đã nộp ngày 03/01/2025 theo biên lai thu số 0008064 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp."

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, thời hạn yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/3/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu H1 không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Anh V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà H1 giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Bà và ông V đều có con riêng. Cả hai tìm hiểu từ 1994 đến 1996 mới chung sống và sinh con chung là cháu L. Quá trình chung sống vợ chồng rất hợp nhau. Đến năm 2008, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Trước đây, bà H1 là giáo viên sinh sống tại S, còn ông V ở C nhưng công việc không ổn định. Sau đó, ông V được hợp tác xã (Công ty) cấp một xe ô tô chở khách, bà H1 về C cùng ông V chung sống, làm ăn, đồng cam cộng khổ, bà cùng làm phụ xế với ông. Khi bà H1 phát hiện bị bệnh K (ung thư) ông V tận tình chăm sóc. Khi ông V bị bệnh, tai nạn (điện giật, phỏng, đột quỵ) bà H1 cũng hết lòng chăm sóc ông. Cả hai vợ chồng có tình cảm sâu nặng, tâm đầu ý hợp. Ông V là thần tượng, là nguồn sống, là người thân của bà, không thể cách xa. Vợ chồng rất hạnh phúc, được họ hàng ngưỡng mộ. Bà H1 không muốn mất đi hạnh phúc, bà muốn hàn gắn tình cảm với ông V để trả ân tình ông V đã đối xử tốt với bà. Sau này ông V lớn tuổi, khó khăn, bệnh tật, bà muốn gắn bó, chung thủy, chăm sóc cho ông đến cuối đời. Việc ông V làm đơn ly hôn, nói những lý do mâu thuẫn, xem bà là tội nhân, làm bà tổn thương. Lý do ông V đưa ra để yêu cầu ly hôn bà có lợi cho ông V nhiều hơn: ông Vũ muốn được tự do, ông Vũ giận bà, không nhìn mặt bà, không về nhà. Còn bà thì lớn tuổi, không làm ra tiền. Tuy nhiên, bà không làm khó ông V, không kiểm soát ông. Bà H1 không đồng ý ly hôn ông V, tự nguyện chăm sóc ông sau này.

Ông V trình bày: Ông không đồng ý đoàn tụ chung sống với bà H1 vì không còn tình cảm với bà H1. Bà H1 chửi bới, xúc phạm ông trước mặt người

khác, dùng lời lẽ thiếu tế nhị đối với ông. Bà H1 có mối quan hệ bạn bè không rõ ràng, ông khuyên bà không sửa đổi. Vì cuộc sống chung không hạnh phúc, ông không về nhà mà tự lo cuộc sống bên ngoài. Ông V đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H1, giữ y bản án sơ thẩm, cho ông ly hôn với bà H1.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến *(có văn bản phát biểu kèm theo)*:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát nhận định mâu thuẫn giữa bà H1 và ông V không thể hòa giải, không hàn gắn được. Bà H1 kháng cáo cho rằng còn thương ông V nhưng ông V không đồng ý đoàn tụ. Bà H1 kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2025/HNGĐ-ST ngày 18-3-2025 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1, về việc không đồng ý ly hôn ông V. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Anh V và bà Nguyễn Thị Thu H1 là hôn nhân tự nguyện, tự tìm hiểu, chung sống từ 1996 và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 141 ngày 24/9/2008 tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố S, Đồng Tháp, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[1.2] Ông V, bà H1 xác định thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ 1996 đến khi phát sinh mâu thuẫn là năm 2023, là khoảng 27 năm. Nguyên nhân ông V xin ly hôn theo ông V trình bày là do tính tình, quan điểm sống của bà H1 và ông không còn phù hợp, bà H1 dùng lời lẽ thiếu tế nhị đối với ông, ông thấy mình không được tôn trọng. Ngoài ra, bà H1 có mối quan hệ bạn bè ông không thích, ông khuyên bà H1 không được. Do bà H1 lớn tuổi, sức khỏe kém nên ông im lặng, nhẫn nhịn và tự rời nhà đi, tự lo cuộc sống. Ông V, bà H1 không sống chung nhà, không còn quan tâm, lo lắng cho nhau khoảng 03 (ba) năm. Về phía bà H1 trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn gia đình là do ông V có người phụ nữ khác bên ngoài, bà H1 biết được và khuyên can ông V nhưng ông V không sửa đổi nên ông V bỏ nhà đi từ ngày 18/3/2023 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn chung sống. Quá trình giải quyết đơn ly hôn, tại buổi hòa giải bà H1 thuận tình ly hôn với ông V nhưng sau đó bà H1 thay đổi ý kiến, không đồng ý ly hôn với ông V, lý do bà H1 mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm tiếp tục chung sống vì bà H1 còn thương ông V. Hơn nữa, bà H1 bị bệnh ung thư, điều trị bệnh tại Bệnh viện Ung bướu Thành phố H, sức khỏe hiện tạm

ổn. Tuy nhiên, mặc dù Tòa án hòa giải nhưng ông V kiên quyết ly hôn, không đồng ý hàn gắn tình cảm đoàn tụ chung sống với bà H1, nếu Tòa án xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông V thì ông V cũng không chung sống cùng bà H1.

[1.3] Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác ....và các lý do chính đáng khác."

Tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

2...."

[1.4] Hội đồng xét xử xét thấy, ông V, bà H1 xác định ông V bỏ nhà đi ra ngoài sinh sống, không sống chung nhà với bà H1 từ 2023, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, chi phí sinh hoạt, chi tiêu hàng ngày của bà H1 đều do con gái lo. Bà H1 xác định: Ông Vũ ghét, không nhìn mặt bà, ông V muốn được tự do,...Bà H1 nói còn tình cảm, muốn hàn gắn nhưng thái độ của ông V dửng dưng, không cảm xúc. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông V, bà H1 đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông V xác định nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông, không cho ly hôn, thì ông V cũng không quay về chung sống với bà H1. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của ông V yêu cầu ly hôn với bà H1 là có căn cứ và phù hợp quy định nên chấp nhận.

[1.5] Từ những căn cứ, phân tích trên, đối chiếu quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2025/HNGĐ-ST ngày 18-3-2025 của Tòa án nhân dân thành phố S, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Anh V và bà Nguyễn Thị Thu H1, là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[1.6] Bà H1 kháng cáo trình bày lý do còn tình cảm, muốn hàn gắn, chăm sóc ông V đến cuối đời nhưng không được ông V chấp nhận. Ngoài ra, bà H1 không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông V còn tình cảm, khả năng ông V quay về chung sống với bà. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà H1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1.

- Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 09/2025/HNGĐ-ST ngày 18-3-2025 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ các Điều: 28, 35, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều: 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2024;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Anh V. Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Anh V và bà Nguyễn Thị Thu H1.

2. Về nuôi con chung: Cháu Nguyễn Hoàng Thảo L, sinh ngày 31/10/1996, đã trưởng thành, có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Anh V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông V đã nộp ngày 03/01/2025 theo biên lai thu số 0008064 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S, tỉnh Đồng Tháp, được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp. (Ông V đã nộp án phí dân sự sơ thẩm xong).

5. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí bà H1 đã nộp ngày 28/3/2025 theo biên lai số 0008204 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S được chuyển thành án phí dân sự phúc thẩm. (Bà H1 đã nộp án phí phúc thẩm xong.)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh;
- Tòa án ND thành phố S;
- Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S;
- Phòng KTNV-TAND Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án và VT (Linh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Kiều Kim Xuân